

Khóa học Backend

Bài 01: Giới thiệu khóa học,
Học HTML cơ bản
(Tiết 1)

Nội dung

01

...

Giới thiệu khóa học
và lộ trình học

02

...

Hướng dẫn cài đặt các
phần mềm cần thiết

03

...

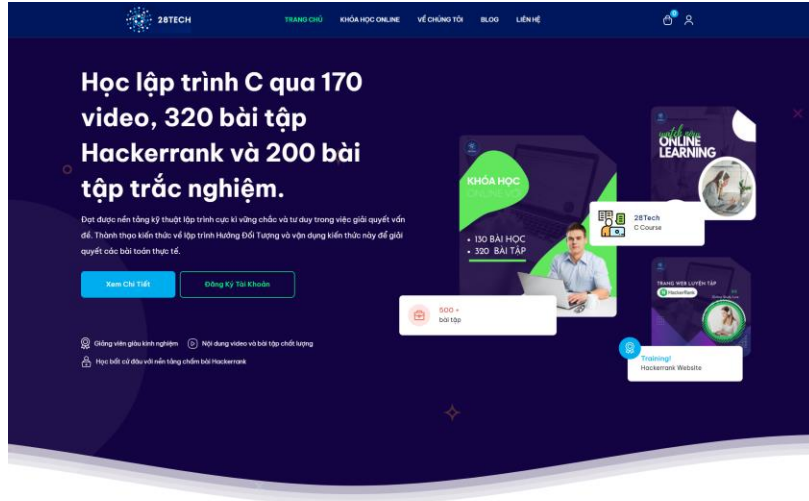
Học HTML (Tiết 1)



01

Giới thiệu khóa học và lộ trình học

1.1. Giới thiệu khóa học



Những kỹ năng mà khóa học đem lại cho học viên

Với những bài giảng chất lượng và bài tập phong phú cùng hệ thống chấm bài tự động Hackerrank, 28Tech sẽ đem lại cho người học nhiều kỹ năng rất giá trị:

- Sử dụng thành thạo ngôn ngữ lập trình C
- Nền tảng kỹ thuật lập trình vững chắc
- Năng lực giải quyết bài toán
- Làm quen với các cấu trúc dữ liệu và giải thuật quan trọng
- Năng lực tư duy logic trong lập trình

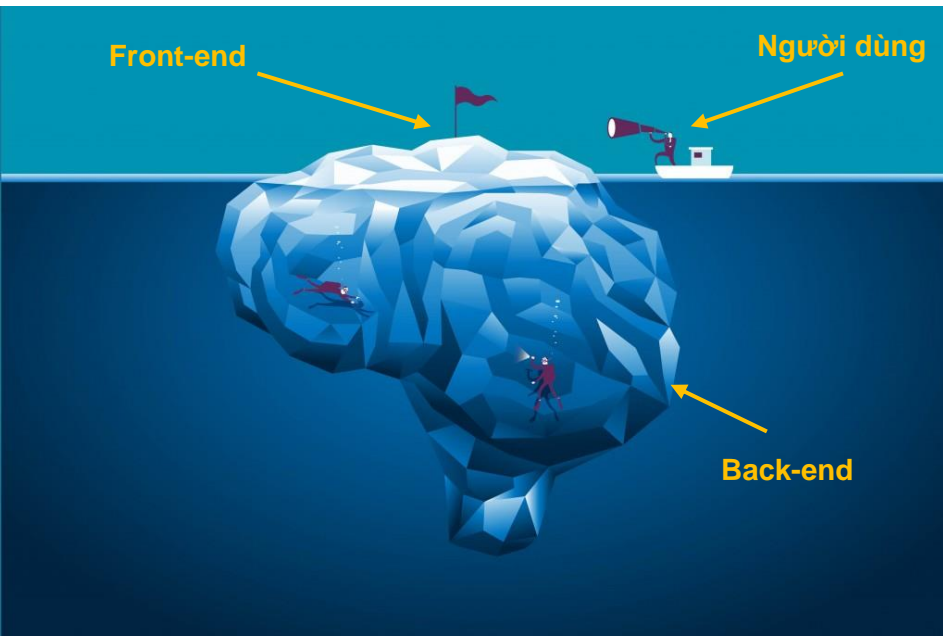
[Xem Chi Tiết](#)



Lập trình **Frontend** là gì?

- Tạo ra giao diện website để người dùng **nhìn thấy được**.
- Tạo ra giao diện để người dùng có thể **tương tác được**.

1.1. Giới thiệu khóa học



Lập trình **Backend** là gì?

- Tạo ra **những chức năng** mà **người dùng không nhìn thấy được**.
- **Gần giống bộ não** của con người, xử lý các yêu cầu và chọn thông tin thích hợp để trả về cho Frontend.

1.1. Giới thiệu khóa học

Lập trình **Backend** gồm ba thành phần:



Máy chủ

Lưu trữ code



Ứng dụng

Chính là code
(mã nguồn)



Cơ sở dữ liệu

Lưu trữ dữ liệu

1.1. Giới thiệu khóa học

Mục tiêu chính của khóa học:



**Nắm rõ quy trình để
lập trình Back-end**



**Nắm vững được
kiến thức nền tảng**



**Đủ khả năng ứng tuyển
được tại các công ty**

1.1. Giới thiệu khóa học

Yêu cầu về khóa học:



Hạn chế nghỉ học



Xem lại bài học

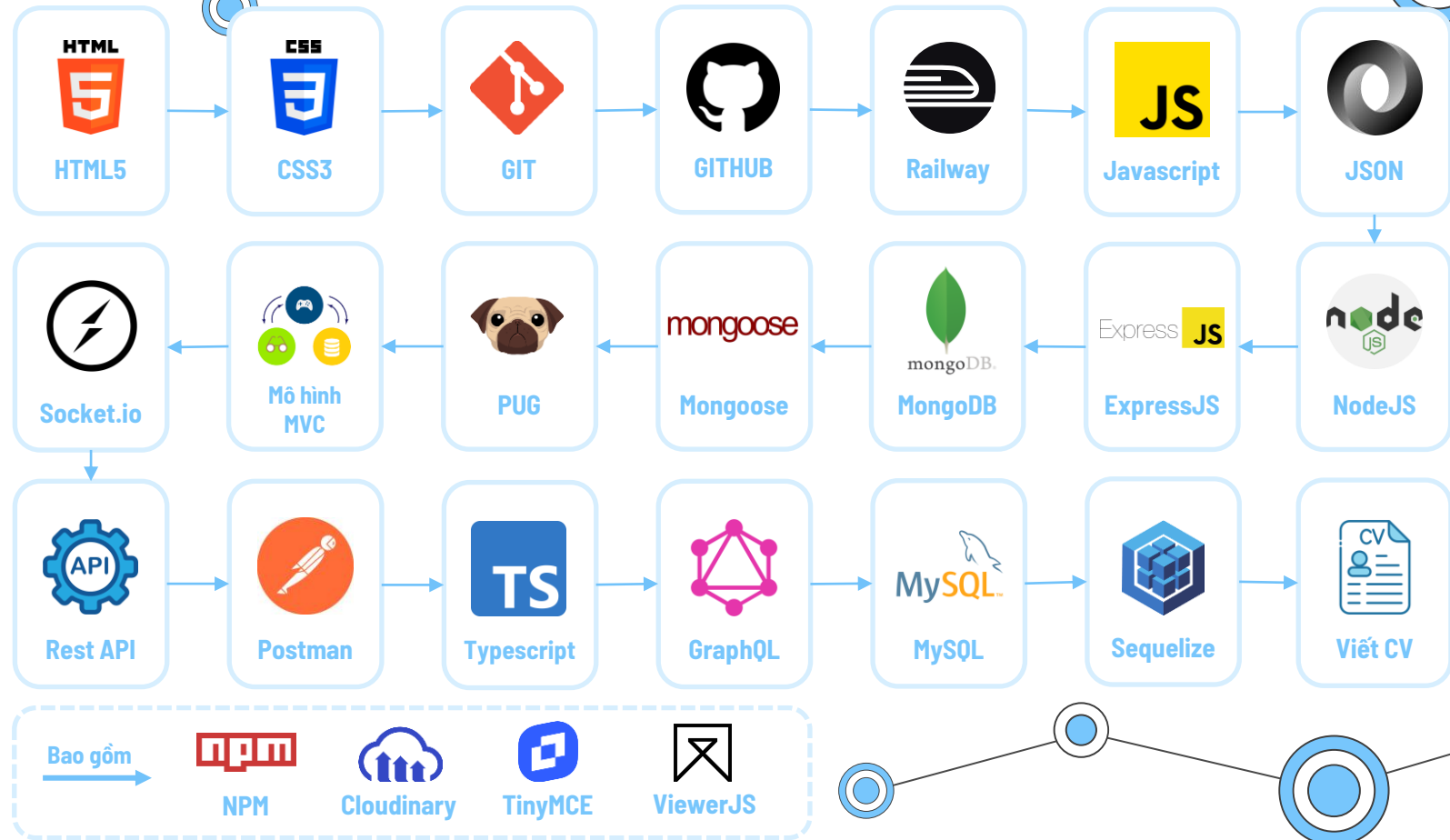


Code lại các ví dụ



Làm bài tập đầy đủ

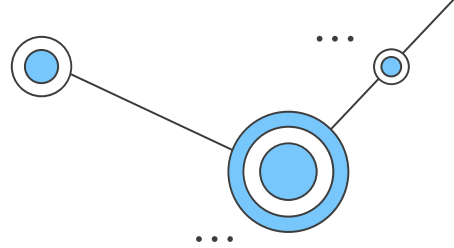
1.2. Lộ trình khóa học (<https://t.ly/SjbLT>)



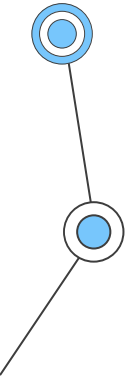
02

Hướng dẫn cài đặt các phần mềm cần thiết

2. Hướng dẫn cài đặt các phần mềm cần thiết



- Phần mềm: **Visual Studio Code** (Link download: <https://code.visualstudio.com>)
- Extensions (Tiện ích mở rộng):
 - Beautify - Làm đẹp code
 - **Live Server - Khi lưu code thì web tự load lại**
 - Material Icon Theme - Icon cho theme dễ nhìn hơn
 - Path Intellisense - Gợi ý đường dẫn các file

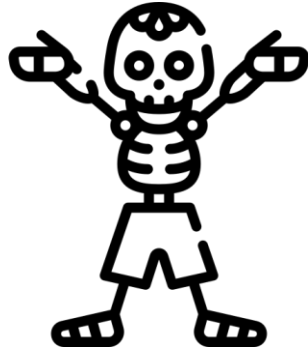


03

Học HTML (Tiết 1)

3.1. Khái niệm

- **HTML** - **H**yper **T**ext **M**arkup **L**anguage.
- Là ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản.
- HTML có tác dụng tạo **bộ khung xương** cho trang web.



HTML



CSS

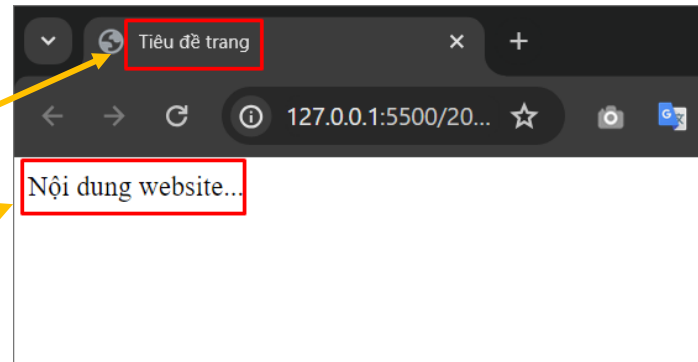
3.2. Cấu trúc file HTML và ý nghĩa các thẻ

```
<!DOCTYPE html>
<html>

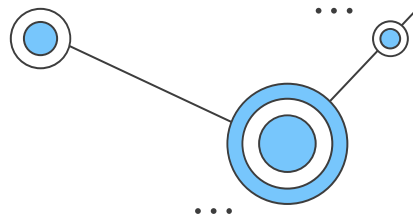
  <head>
    <title>Tiêu đề trang</title>
  </head>

  <body>
    Nội dung website...
  </body>

</html>
```



3.2. Cấu trúc file HTML và ý nghĩa các thẻ



- Trong đó:
 - **<!DOCTYPE html>** (document type: html): để khai báo cho trình duyệt biết đây là kiểu tài liệu HTML.
 - **<html>**: Thẻ html để khởi tạo khung trang web.
 - **<head>**: Chứa các thông tin chung của trang web.
 - **<title>**: Nằm bên trong thẻ <head>, dùng để khai báo tiêu đề của trang.
 - **<body>**: Tất cả nội dung hiển thị trên website đều viết trong thẻ body.

```
<!DOCTYPE html>
<html>

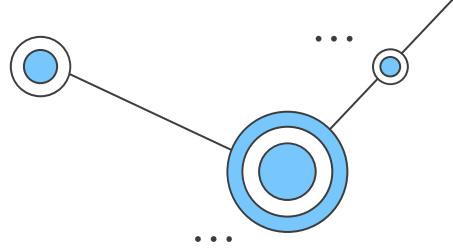
  <head>
    <title>Tiêu đề trang</title>
  </head>

  <body>
    Nội dung website...
  </body>

</html>
```



3.3. Tạo Comments, Elements, Attributes



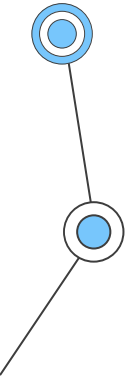
- **Comments** (Chú thích)
 - Để chú thích cho một khối code nào đó (không hiển thị lên website).
 - Cú pháp: `<!-- Nội dung comment -->`
 - Phím tắt: **Ctrl + /** (Windows) hoặc **Cmd + /** (Mac)

```
<!DOCTYPE html>
<html>

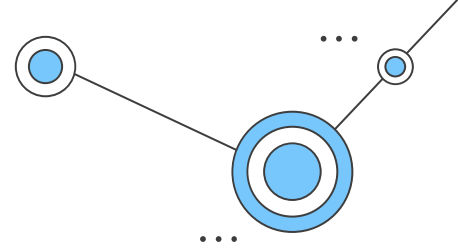
  <head>
    <title>Tiêu đề trang</title>
  </head>

  <body>
    Nội dung website...
    <!-- Đây là đoạn comment -->
  </body>

</html>
```

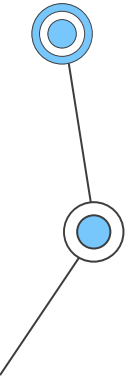


3.3. Tạo Comments, Elements, Attributes

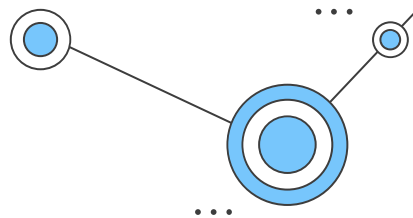


- **Elements** (phần tử)
 - Bao gồm:
 - Thẻ mở
 - Nội dung bên trong
 - Thẻ đóng
 - Cú pháp: **<tagname>Nội dung bên trong...</tagname>**

```
<head>
  <title>Tiêu đề trang</title>
  <!--
    <title>: Thẻ mở của phần tử
    Tiêu đề trang: Nội dung của phần tử
    </title>: Thẻ đóng của phần tử
  -->
</head>
```



3.3. Tạo Comments, Elements, Attributes



- **Attributes** (thuộc tính)
 - Cung cấp thêm thông tin cho phần tử.
 - Nằm trong thẻ mở.
 - Một phần tử có thể có nhiều thuộc tính.
 - Các thuộc tính có thể đặt tên tùy thích.

```
<!DOCTYPE html>
<html lang="vi">

  <head>
    <title>Tiêu đề trang</title>
  </head>

  <body test1="abc" test2="xyz">
    Nội dung website hiển thị tại đây...
  </body>

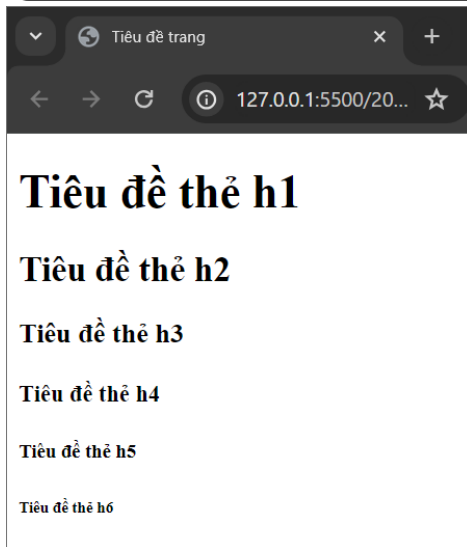
</html>
```



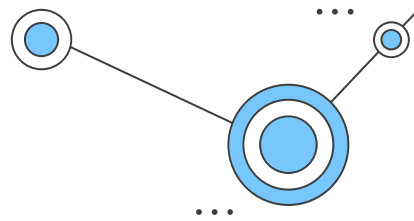
3.4. Tạo Headings, Paragraphs, Formatting

- Là thẻ tiêu đề hiển thị trên web.
- Có 6 thẻ heading:
 - `<h1></h1>`
 - `<h2></h2>`
 - `<h3></h3>`
 - `<h4></h4>`
 - `<h5></h5>`
 - `<h6></h6>`

```
<h1>Tiêu đề thẻ h1</h1>
<h2>Tiêu đề thẻ h2</h2>
<h3>Tiêu đề thẻ h3</h3>
<h4>Tiêu đề thẻ h4</h4>
<h5>Tiêu đề thẻ h5</h5>
<h6>Tiêu đề thẻ h6</h6>
```

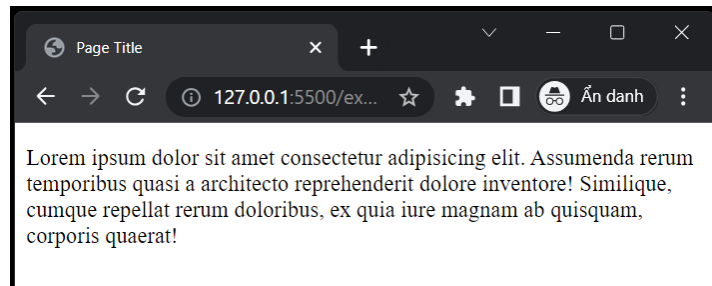


3.4. Tạo Headings, Paragraphs, Formatting

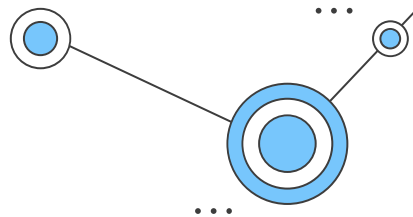


- **Paragraphs (đoạn văn)**
 - Là một khối văn bản.
 - Cú pháp: `<p></p>`

```
<p>Lorem ipsum dolor sit amet  
consectetur adipisicing elit.  
Assumenda rerum temporibus quasi a  
architecto reprehenderit dolore  
inventore! Similique, cumque repellat  
rerum doloribus, ex quia iure magnam  
ab quisquam, corporis quaerat!</p>
```



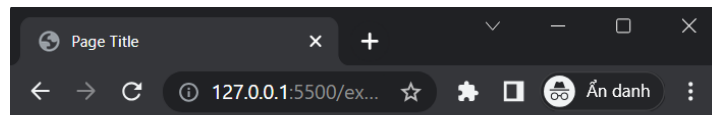
3.4. Tạo Headings, Paragraphs, Formatting



- **Formatting (định dạng)**
 - Hiển thị các loại văn bản đặc biệt.
 - Một số thẻ định dạng:
 - **** (bold - in đậm): Văn bản in đậm
 - **<i></i>** (italic - in nghiêng): Văn bản in nghiêng

```
<p>Xin chào <b>Đặng Phương Nam</b>!</p>
```

```
<p>Xin chào <i>Đặng Phương Nam</i>!</p>
```

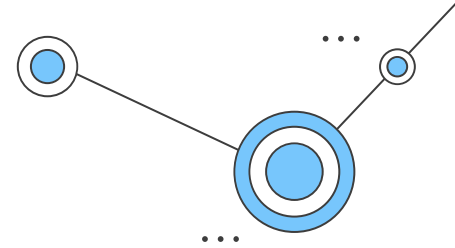


Xin chào **Đặng Phương Nam!**

Xin chào *Đặng Phương Nam!*



3.4. Tạo Headings, Paragraphs, Formatting

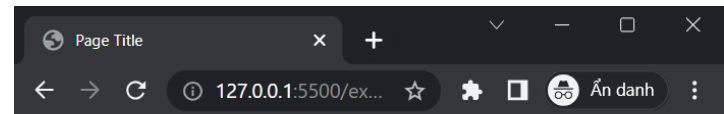


- **Formatting (định dạng)**

- Hiển thị các loại văn bản đặc biệt.
- Một số thẻ định dạng:
 - **** (subscripted - chỉ số dưới): Văn bản có chỉ số dưới
 - **** (superscripted - chỉ số trên): Văn bản có chỉ số trên

```
<p>H<sub>2</sub></sub>0</p>
<p>H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub></sub></p>

<p>a<sup>2</sup> + b<sup>2</sup> = c<sup>2</sup></p>
```



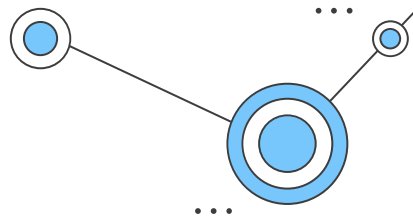
H₂0

H₂SO₄

a² + b² = c²

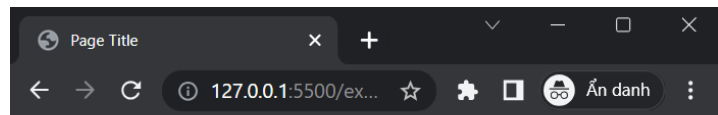


3.4. Tạo Headings, Paragraphs, Formatting



- **Formatting (định dạng)**
 - Hiển thị các loại văn bản đặc biệt.
 - Một số thẻ định dạng:
 - **** (deleted - đã xóa): Văn bản đã xóa

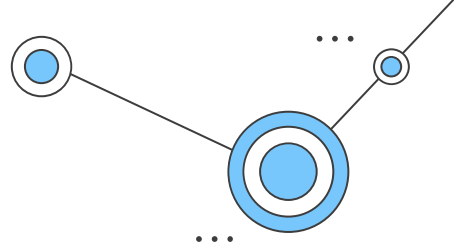
```
<p>  
  <b>9.900.000đ</b>  
  <del>12.000.000đ</del>  
</p>
```



9.900.000đ ~~12.000.000đ~~



3.5. Chèn link



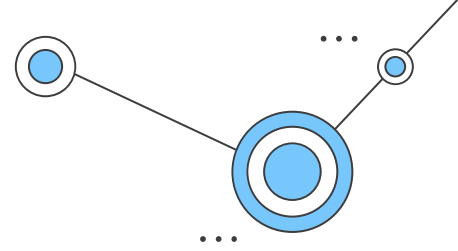
- Thẻ `<a>` (anchor - mỏ neo) dùng để khi click vào thẻ đó sẽ chuyển hướng đến trang khác.
- Cú pháp: ``
- Thuộc tính:
 - **href** (Hypertext Reference - tài liệu tham khảo dạng siêu văn bản): thuộc tính xác định đường dẫn liên kết.
 - **target**: thuộc tính xác định nơi mà tài liệu được mở. Có 2 giá trị phổ biến:
 - **_self**: Mặc định. Mở tài liệu ở tab hiện tại.
 - **_blank**: Mở tài liệu trong tab mới.
 - **title**: Thông tin bổ sung về một phần tử.

```
<a href="https://daca.vn/">
  Daca.vn (Mở ở tab hiện tại)
</a>

<a href="https://daca.vn/" target="_blank">
  Daca.vn (Mở ở tab mới)
</a>
```



3.6. Chèn ảnh



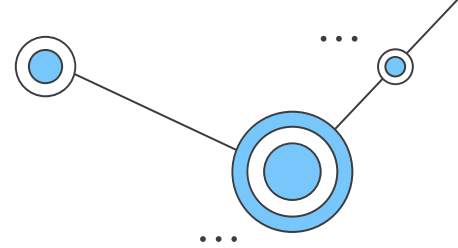
- Thẻ **** dùng để nhúng ảnh vào trang web.
- Cú pháp: ****
- Thuộc tính:
 - **src** (source - nguồn): Chèn đường dẫn ảnh.
 - **alt** (alternate - thay thế): Văn bản thay thế cho hình ảnh, hiển thị khi đường dẫn ảnh bị lỗi.

```

```



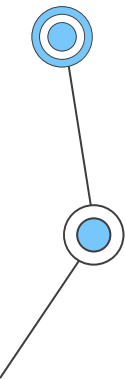
3.7. File Paths (Đường dẫn tệp)



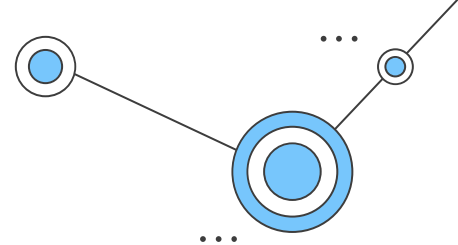
- **Absolute File Paths** (Đường dẫn tệp tuyệt đối)
 - Là URL đầy đủ của tệp.

```

```



3.7. File Paths (Đường dẫn tệp)



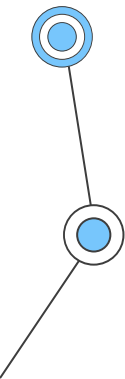
- **Relative File Paths** (Đường dẫn tệp tương đối)
 - Trỏ đến một tệp nằm trong project hiện tại.

```
<!-- 1. Ảnh "image.jpg" nằm cùng thư mục với trang hiện tại -->


<!-- 2. Ảnh "image.jpg" nằm trong thư mục images trong thư mục hiện tại -->


<!-- 3. Ảnh "image.jpg" nằm trong thư mục tăng một cấp so với thư mục hiện tại -->

```



Bài tập

- **Link bài tập:** <https://course-back-end-24.vercel.app/lessons/lesson-1/index.html>

